

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 334/2020/DS-PT

Ngày: 18-5-2020

V/v tranh chấp về hợp đồng bán đấu giá
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Thẩm phán:

1. Bà Võ Thị Mỹ Hạnh
2. Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Tây – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng bán đấu giá tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 520/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận E bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2059/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 171/90A Đ, Phường 15, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Lầu 8 số 214 P, Phường 3, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ hội sở: 41-45 D, phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1990 và ông Hoàng Văn P, sinh năm 1987.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Đấu giá hợp danh Y (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 336 D, Phường 4, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Vũ Ngọc C, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: 116/10/17 H, Phường 5, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

* Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T do ông Nguyễn Hữu K làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 06/10/2017, Ngân hàng TMCP Đ và ông Nguyễn Hữu T ký Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá quyền sử dụng đất diện tích 6.454m² loại đất vườn thuộc thửa 89-1, 90-1 tờ bản đồ số 13 xã A, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 8008/QSDĐ/CQ ngày 11/12/2001 của Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Vũ Ngọc C với giá bán là 1.822.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận tại Mục 10 của hợp đồng nêu trên, nghĩa vụ chịu thuê thu nhập cá nhân do chủ cũ của tài sản nộp, trường hợp sau 05 ngày kể từ ngày ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá mà chủ cũ của tài sản không thực hiện thì Ngân hàng Đ chịu trách nhiệm nộp thay.

Ngày 27/12/2017 và ngày 30/01/2018, ông Nguyễn Hữu T gửi văn bản đề nghị Ngân hàng thực hiện việc đóng thuế TNCN nhưng Ngân hàng không thực hiện. Để tránh thiệt hại do chậm đăng bộ, ông T đã kê khai và nộp thuế TNCN cho cơ quan thuế với tổng số tiền là 52.058.700 đồng.

Nay ông Nguyễn Hữu T khởi kiện yêu cầu Ngân hàng TMCP Đ hoàn trả số tiền 52.058.700 đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất Ngân hàng tính từ ngày 06/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 8.540.919 đồng.

* Bị đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ do ông Nguyễn Văn L, ông Hoàng Văn P làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng Đ có tiến hành thủ tục thu giữ, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất diện tích 6.454m² thửa 89-1, 90-1 tờ bản đồ số 13 xã A, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 8008/QSDĐ/CQ ngày 11/12/2001 của Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Vũ Ngọc C. Ngân hàng đã đưa tài sản ra bán đấu giá tại Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá Y, ông Nguyễn Hữu T là người trúng đấu giá. Ngày 06/10/2017, các bên ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T, Ngân hàng Đ không đồng ý vì theo quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc Hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, trường hợp mua bán đấu giá tài sản nêu trên không phải nộp thuế khi thực hiện đăng ký, thay đổi quyền sở hữu.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Đấu giá hợp danh Y (trước đây là Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá Y) có văn bản trình bày:

Ngày 07/9/2016, Công ty cổ phần dịch vụ đấu giá Y (nay là Công ty Đấu giá hợp danh Y) và Ngân hàng TMCP Đ có ký kết Hợp đồng đấu giá tài sản cố định số 13.01/2016/HĐBĐG/BTS.HCM.

Ngày 14/9/2017, hai bên ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng đấu giá tài sản cố định số 13.01/2016/HĐBĐG/BTS.HCM. Nội dung hai hợp đồng nêu trên thể hiện việc bán đấu giá quyền sử dụng đất diện tích 6.454m² thửa 89-1, 90-1 tờ bản đồ số 13 xã A, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh với giá khởi điểm là 1.815.918.246 đồng.

Ngày 06/10/2017, công ty đã tổ chức buổi đấu giá tài sản và chuyển trả cho Ngân hàng Đ toàn bộ tiền đặt trước và tiền mua tài sản của khách hàng tham gia đấu giá là ông Nguyễn Hữu T. Công ty chỉ có nghĩa vụ phát sinh trong quá trình đưa tài sản ra đấu giá, các nghĩa vụ khác như giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, nộp thuế TNCN là thỏa thuận giữa Ngân hàng với ông T. Do đó, công ty không có liên quan gì đến tranh chấp này.

Tại Bản án sơ thẩm số 520/2019/DS-ST ngày 29/11/2019, tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 32, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Khoản 2 Điều 244, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 351, 357 Bộ luật dân sự; Khoản 5 Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Ngân hàng TMCP Đ phải thanh toán cho ông Nguyễn Hữu T tổng số tiền là 60.599.619 đồng. Trong đó tiền gốc là 52.058.700 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/11/2019 là 8.540.919 đồng. Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/12/2019, Ngân hàng TMCP Đ nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn kháng cáo không đồng ý chịu tiền thuế thu nhập cá nhân và tiền lãi chậm trả với lý do việc giải quyết của án sơ thẩm không đúng quy định pháp luật làm ảnh hưởng quyền lợi của Ngân hàng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Tại Đoạn 1 Mục 10 của Hợp đồng đầu giá tài sản ngày 06/10/2017, các đương sự đã thỏa thuận nếu sau năm ngày chủ cũ của tài sản không nộp thuế TNCN thì Ngân hàng Đ sẽ kê khai, nộp thay khoản tiền thuế này và được trừ vào tiền bán tài sản. Tuy nhiên, Ngân hàng không thực hiện thỏa thuận nêu trên là đã vi phạm hợp đồng. Do đó, kháng cáo của Ngân hàng không đồng ý trả số tiền thuế TNCN mà ông T đã nộp thay Ngân hàng là không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Đầu giá hợp danh Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Ngọc C đã được niêm yết công khai các văn bản tố tụng mà vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228, Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng mua bán tài sản đầu giá ngày 06/10/2017 giữa người bán tài sản đầu giá là Ngân hàng TMCP Đ và người mua được tài sản đầu giá là ông Nguyễn Hữu T, nhận thấy tài sản đầu giá là quyền sử dụng đất diện tích 6.454m² thuộc thửa 89-1, 90-1 tờ bản đồ số 13 xã A, huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 8008/QSĐĐ/CQ ngày 11/12/2001 của Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Vũ Ngọc C đã được ông Nguyễn Hữu T đầu giá thành vào ngày 06/10/2017.

Theo xác nhận của các đương sự, ông Nguyễn Hữu T đã thanh toán đủ tiền mua tài sản đầu giá cho Ngân hàng TMCP Đ. Đồng thời, ông T cũng đã nộp thay số tiền thuế thu nhập cá nhân là 52.058.700 đồng mà theo ông T trình bày, lẽ ra Ngân hàng TMCP Đ phải nộp thay khoản tiền thuế này cho người chủ cũ của tài sản đầu giá.

[2.2] Hội đồng xét xử xét, căn cứ Mục 10 của Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá ngày 06/10/2017 giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Nguyễn Hữu T, tại Đoạn 1 quy định về thuế thu nhập cá nhân từ việc chuyển nhượng tài sản đấu giá do chủ cũ của tài sản có nghĩa vụ nộp, trường hợp sau năm ngày kể từ ngày ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá mà chủ cũ của tài sản không thực hiện thì Ngân hàng TMCP Đ chịu trách nhiệm kê khai, nộp thay và được trừ vào tiền bán tài sản.

Theo hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 06/02/2018, ông Nguyễn Hữu T đã nộp tổng cộng 52.058.700 đồng tiền thuế thu nhập cá nhân mà lẽ ra người có thu nhập từ việc chuyển quyền sử dụng đất là ông Vũ Ngọc C và ông Nguyễn Thanh Đ (là người được ông C ủy quyền sử dụng đất) là người phải nộp theo quy định tại điểm c Khoản 5 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính quy định thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất là khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân. Tuy nhiên, về điểm này, tại Đoạn 1 của Mục 10 Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá ngày 06/10/2017, Ngân hàng TMCP Đ đã thỏa thuận chịu trách nhiệm kê khai, nộp thay thuế thu nhập cá nhân và được trừ vào tiền bán tài sản nếu sau năm ngày kể từ ngày ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá mà chủ cũ của tài sản không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân.

Ông Nguyễn Hữu T đã nộp thay Ngân hàng tổng cộng 52.058.700 đồng tiền thuế thu nhập cá nhân nên căn cứ vào thỏa thuận nêu trên, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T buộc Ngân hàng TMCP Đ có trách nhiệm hoàn trả cho ông T số tiền này là có căn cứ.

[2.3] Về ý kiến của đại diện Ngân hàng TMCP Đ cho rằng tiền xử lý tài sản không đủ thu hồi nợ và Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc Hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng quy định bên nhận bảo đảm không phải thực hiện nghĩa vụ thuế.

Hội đồng xét xử thấy rằng Nghị quyết nêu trên không quy định về việc nộp thuế thu nhập cá nhân của bên nhận bảo đảm và bên nhận chuyển nhượng. Tuy nhiên, do Ngân hàng TMCP Đ đã thỏa thuận chịu trách nhiệm kê khai, nộp thay thuế thu nhập cá nhân và được trừ vào tiền bán tài sản nếu sau năm ngày kể từ ngày ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá mà chủ cũ của tài sản không nộp, do đó, Ngân hàng phải trả lại cho ông T khoản tiền thuế thu nhập cá nhân mà ông T đã nộp thay là phù hợp với thỏa thuận tại Đoạn 1 của Mục 10 Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá ngày 06/10/2017.

Từ những nhận định trên, nhận thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đ, nghĩ cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228, Điều 296, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 351, 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 520/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận E, như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T.

Buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Hữu T số tiền thuế thu nhập cá nhân 52.058.700 đồng và tiền lãi 8.540.919 đồng, tổng cộng là 60.599.619 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Những nội dung khác của phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí phúc thẩm:

Ngân hàng TMCP Đ phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005560 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận E. Ngân hàng TMCP Đ đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP HCM;
- Tòa án nhân dân Quận E;
- Chi cục THADS Quận E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Uyên